TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THẠNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2023
V/v "tranh chấp khác về hôn nhân gia đình về yêu cầu không công nhận là vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

2. Bà Trần Thị Năm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp khác về hôn nhân gia đình về yêu cầu không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Út C, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh L. (xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh L. (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Út C (do Tòa án nhận ngày 08/5/2023) thì nội dung khởi kiện của nguyên đơn được tóm tắt như sau: Bà Lê Thị Út C và ông Lê Văn L tự chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Cả hai có 01 con chung tên là Lê Thị Kim X, sinh ngày 30/9/1997. Quá trình chung sống giữa bà C và ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông L nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình với bà C, hai bên đã không còn sống chung từ tháng 6 năm 2022. Nay bà C khởi kiện ông L ra Tòa án, yêu cầu Tòa án không công nhận bà C và ông L là vợ chồng.

Những vấn đề liên quan đến con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 29/5/2023, bị đơn Lê Văn L thống nhất với toàn bộ ý kiến của bà Lê Thị Út C và đồng ý việc Tòa án không công nhận bà C và ông L là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Sau khi họp kiểm tra chứng cứ, do bà C và ông L không có đăng ký kết hôn nên Tòa án không tổ chức hòa giải về hôn nhân. Bà C và ông L xác định con chung đã trưởng thành, không có tranh chấp về quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và cũng không có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không tiến hành hòa giải các nội dung này, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn Lê Thị Út C, bị đơn Lê Văn L đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân của bà C và ông L, thấy rằng: Cả hai đương sự đều thống nhất hai bên tự chung sống với nhau vào năm 1996, nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Căn cứ quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì bà C và ông L không được công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về quyền nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con: Bà C và ông L cùng xác định con chung đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà C và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung của các bên trong vụ án này. Trường hợp sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Lê Thị Út C phải chịu 300.000đ án phí. Bị đơn Lê Văn L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Lê Thị Út C và ông Lê Văn L là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Út C phải chịu 300.000đ. Chuyển số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai thu số 0004507 ngày 23/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang thi hành án phí, nên bà C không phải nộp tiếp. Ông L không phải chịu án phí.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Khánh

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Tân Thạnh;
-Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
-Đương sự;
-UBND xã T;
-Lưu hồ sơ, án văn.